

Đánh giá nhu cầu sử dụng y học cổ truyền điều trị bệnh lý cơ xương khớp tại huyện Thuận Thành tỉnh Bắc Ninh năm 2019

EVALUATE THE DEMAND OF USING TRADITIONAL MEDICINE IN MUSCULOSKELETAL DISEASES AT THUAN THANH DISTRICT, BAC NINH PROVINCE IN 2019

Nguyễn Ngọc Tiến, Trần Thị Minh Tâm, Lưu Minh Châu

Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng bệnh cơ xương khớp tại huyện Thuận Thành tỉnh Bắc Ninh năm 2019.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Đối tượng trong nghiên cứu này là người có mắc cơ xương khớp trong cộng đồng. Phương pháp nghiên cứu mô tả cắt ngang.

Kết quả: Tỷ lệ bệnh nhân cơ xương khớp giới tính nữ gấp nhiều hơn nam. Trong đó nữ chiếm 61,5%, nam chiếm 38,5%. Phần lớn các bệnh nhân tập trung ở nhóm trên 50 tuổi (73,1%), trong đó lứa tuổi mắc bệnh nhiều nhất là từ 50 đến 59 tuổi chiếm 33,6%. Trình độ học vấn của đối tượng nghiên cứu tập trung nhiều nhất là tiểu học và trung học cơ sở chiếm 69,2%; trung học phổ thông cũng chiếm tỷ lệ khá cao (17%); còn một bộ phận người chưa đi học, chưa biết đọc biết viết là 5,5%. Bệnh nhân trong nghiên cứu tập trung nhiều nhất ở Nông/lâm/người nghiệp (34,9%). Trong số 13 bệnh về cơ xương khớp trong nghiên cứu, chiếm tỷ lệ nhiều nhất là đau cột sống thắt lưng chiếm 39%.

Từ khóa: Bệnh cơ xương khớp, Thuận Thành, Bắc Ninh.

SUMMARY

Objectives: Describe the status of musculoskeletal disease in Thuan Thanh district, Bac Ninh province in 2019.

Subjects and research methods: The subjects in this study are people with musculoskeletal disorders in the community. Method of cross-sectional description.

Results: The proportion of musculoskeletal patients is more common in women than men. In which women account for 61.5%, men account for 38.5%. The majority of patients concentrated in the group of over 50 years old (73.1%), in which the age group most affected from 50 to 59 years old accounted for 33.6%. Educational attainment of the study subjects is most concentrated in primary and lower secondary accounting for 69.2%, high

Ngày nhận bài: 16/12/2020

Ngày phản biện: 23/12/2020

Ngày chấp nhận đăng: 23/12/2020



school also accounts for a high proportion (17%); There is still a part of people who have never attended school or cannot read and write, 5.5% Patients in the study were most concentrated in Agriculture / Forestry / Fisheries (34.9%). Of the 13 musculoskeletal diseases in the study, the highest proportion was lumbar spine pain accounting for 39%.

Key words: Osteoarthritis, Thuan Thanh, Bac Ninh.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo báo cáo của Bộ Y tế, có sự gia tăng nhanh tỷ trọng các bệnh không lây nhiễm (trong đó đa phần là các bệnh cơ xương khớp) trong thời gian gần đây. Từ năm 1976 đến năm 2012, tỷ lệ bệnh nhân nhập viện do các bệnh không lây nhiễm tăng từ 42,6% lên 66,3%, trong khi tỷ lệ nhóm các bệnh truyền nhiễm giảm từ 55,5% xuống 22,9% và nhóm các bệnh do tai nạn, ngộ độc, chấn thương, tai nạn duy trì ở tỷ lệ trên 10%. Tỷ lệ dân số tăng cao, là nguyên nhân gây bệnh tật và tử vong tăng theo, nhất là với các bệnh không lây nhiễm. Mười nguyên nhân chiếm tỷ lệ 64% gây số năm sống tàn tật lớn nhất ở người dân, chủ yếu là do các bệnh/chứng bệnh cơ xương khớp và các bệnh không lây nhiễm như các rối loạn thính giác và tầm nhìn, bệnh tim mạch, ung thư, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, đái tháo đường, các bệnh lý tâm thần, thần kinh [3].

Các nghiên cứu gần đây đã chỉ ra y học cổ truyền có giá trị đặc biệt trong hỗ trợ điều trị một số bệnh cơ xương khớp, v.v... [2]. Bên cạnh đó, chi phí điều trị bằng các phương pháp y học cổ truyền đã được Tổ chức Y tế Thế giới nhận định rằng “Ở các nước phát triển, chi phí điều trị bằng y học cổ truyền thường cao hơn so với phương pháp y học hiện đại do đó những người có thu nhập thấp ở các nước này ít có cơ hội tiếp cận với y học cổ truyền [7]. Điều trị các bệnh cơ xương khớp bằng y học cổ truyền cũng đã được chứng minh là có tính an toàn và làm giảm nguy cơ các biến chứng. Vậy nên, việc sử dụng y học cổ truyền trong điều trị bệnh

nói chung và bệnh cơ xương khớp nói riêng đặc biệt là đối với người dân sống ở nông thôn nơi có điều kiện kinh tế còn khó khăn sẽ giúp cải thiện sức khoẻ và giảm gánh nặng chi phí điều trị bệnh. Xuất phát từ thực trạng trên, chúng tôi tiến hành nghiên cứu “Đánh giá nhu cầu sử dụng y học cổ truyền điều trị bệnh lý cơ xương khớp tại huyện Thuận Thành tỉnh Bắc Ninh năm 2019” với mục tiêu: Mô tả thực trạng bệnh cơ xương khớp tại huyện Thuận Thành tỉnh Bắc Ninh năm 2019.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng trong nghiên cứu này là người có mắc cơ xương khớp trong cộng đồng.

Tiêu chuẩn lựa chọn:

- Độ tuổi > 16 tuổi.
- Có điều trị ít nhất một bệnh thuộc cơ xương khớp (đã được cán bộ y tế chẩn đoán) trong vòng 12 tháng tính từ thời điểm điều tra.
- Có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại địa bàn nghiên cứu.
- Tiếp cận được tại thời điểm điều tra và đồng ý tham gia nghiên cứu.
- Có khả năng nghe và trả lời câu hỏi.

Tiêu chuẩn loại trừ:

- Bệnh nhân có vấn đề về tâm thần.
- Đối tượng là người nơi khác đến sinh sống không ổn định tại địa bàn nghiên cứu.
- Không có khả năng nghe và trả lời câu hỏi.

Địa điểm nghiên cứu

Địa điểm nghiên cứu là tại các hộ gia đình

thuộc: Thị trấn Hồ, Song Hồ, Đại Đồng Thành huyện Thuận Thành tỉnh Bắc Ninh.

Thời gian nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 5/2019 đến tháng 11/2019.

Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang.

Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

Cỡ mẫu:

$$\text{Áp dụng công thức: } n = Z_{1-\alpha/2}^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

n là cỡ mẫu cần cho nghiên cứu.

z là hệ số tin cậy được lấy dựa vào ngưỡng xác suất α . Trong đề tài này ngưỡng xác suất α được lấy là 0,05 $\rightarrow Z_{(1-\alpha/2)} = 1,96$.

p là tỷ lệ người dân mắc bệnh cơ xương khớp. Trong đề tài này chúng tôi lấy $p = 0,364$ ($p = 36,4\%$) là tỷ lệ người mắc bệnh cơ xương khớp trong 6 tháng qua theo nghiên cứu của Nguyễn Thị Quỳnh Nga về “Tình hình bệnh tật và thực trạng khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền của huyện Như Xuân - Thanh Hóa năm 2014” [4].

d là sai số mong muốn, d được ước tính bằng 0,04.

Thay số vào công thức trên ta có $n = 556$ người, trên thực tế tác giả nghiên cứu được 605 người mắc bệnh cơ xương khớp và được chia đều cho các xã và thị trấn.

Chọn mẫu:

- Chọn xã: Chọn chủ định xã Song Hồ, thị trấn Hồ, xã Đại Đồng Thành.

- Chọn thôn: Tại xã chọn thôn bằng phương pháp bắt thăm ngẫu nhiên để tiến hành phỏng vấn.

- Chọn hộ gia đình: Tại mỗi thôn áp dụng chọn hộ gia đình theo mẫu “cồng liền cồng” bắt đầu từ nhà trưởng thôn, qui ước từ nhà trưởng thôn chỉ rẽ tay phải, để tránh lặp lại.

- Chọn đối tượng phỏng vấn: Điều tra viên tiến hành sàng lọc xem HGD được chọn có đối tượng đích cần nghiên cứu.

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Thực trạng mắc bệnh cơ xương khớp của người dân

Bảng 1. Đặc điểm về tuổi của đối tượng nghiên cứu

Tuổi	Tần suất	Tỷ lệ %
Từ 16 tuổi đến 29 tuổi	20	3,3
Từ 30 tuổi đến 39 tuổi	37	6,1
Từ 40 tuổi đến 49 tuổi	106	17,5
Từ 50 tuổi đến 59 tuổi	203	33,6
Từ 60 tuổi đến 69 tuổi	127	21,0
Từ 70 tuổi trở lên	112	18,5
Tổng	605	100
Độ tuổi trung bình ($\bar{X} \pm SD$)	57,02 \pm 14,04	

Nhận xét: Qua bảng 1 thấy tuổi trung bình của các bệnh nhân là 57,02 \pm 14,04 tuổi. Phần lớn các bệnh nhân tập trung ở nhóm trên 50 tuổi (73,1%).

Bảng 2. Trình độ học vấn của đối tượng nghiên cứu

Trình độ học vấn	Tần suất	Tỷ lệ %
Không đi học/biết đọc, biết viết	33	5,5
Tiểu học	207	34,2
Trung học cơ sở	212	35,0
Phổ thông trung học	103	17,0
Trung học chuyên nghiệp trở lên	21	3,5
Cao đẳng	6	1,0
Đại học và sau đại học	16	2,6
Không khai thác được	7	1,2
Tổng	605	100

Nhận xét: Bảng 2 cho thấy trình độ học vấn của đối tượng nghiên cứu tập trung nhiều nhất là tiểu học và trung học cơ sở chiếm 69,2%, trung học phổ thông cũng chiếm tỷ lệ khá cao (17%).



Nghề nghiệp của đối tượng nghiên cứu

Bệnh nhân trong nghiên cứu tập trung nhiều nhất ở Nông/lâm/ngư nghiệp (34,9%), tiếp theo là bộ phận hưu trí chiếm 26,4%, lao động tự do và lao động thủ công lần lượt chiếm 10,7% và 9,4%, học sinh sinh viên chiếm tỷ lệ thấp nhất là 1,2%.

Bảng 3. Tỷ lệ đối tượng nghiên cứu theo số bệnh cơ xương khớp đang bị mắc

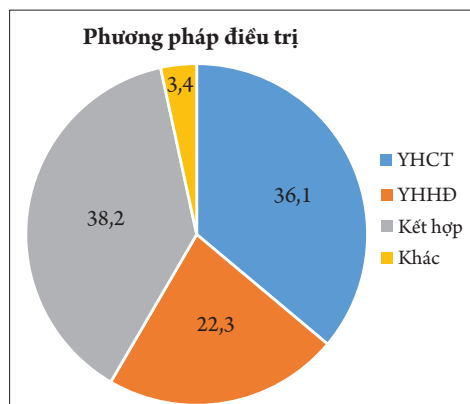
Số lượng bệnh	Tần suất	Tỷ lệ %
Một bệnh	386	63,8
Hai bệnh	172	28,4
Ba bệnh	47	7,8
Tổng	605	100
Số bệnh mắc trung bình ($\bar{X} \pm SD$)	1,44 \pm 0,63	

Nhận xét: Bảng 3 thể hiện tất cả bệnh nhân trong nghiên cứu đều mắc bệnh cơ xương khớp, trong đó số lượng giảm dần từ 1 bệnh, 2 bệnh, 3 bệnh lần lượt chiếm 63,8 %, 28,4% và 7,8%. Số bệnh mắc trung bình là 1,44 \pm 0,63 bệnh.

Tỷ lệ đối tượng nghiên cứu theo số bệnh cơ xương khớp đang bị mắc chia theo giới: Tỷ lệ bệnh nhân mắc bệnh cơ xương khớp ở hai giới có sự cân bằng, tập trung nhiều nhất là nhóm một bệnh chiếm 66,2% ở nhóm Nam và 60,9% ở nhóm Nữ, tiếp theo là hai bệnh ở các nhóm lần lượt là 22,1% và 30,5%. Sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê với $p > 0,05$.

Thời gian mắc bệnh cơ xương khớp trong nghiên cứu tập trung nhiều nhất trong khoảng từ 1 đến 5 năm (41,5%), từ 6 - 10 năm là 22,5% và trên 10 năm là 20,1%. Tỷ lệ thấp nhất là dưới 1 năm đạt 15,9%. Trong số 13 bệnh về cơ xương khớp trong nghiên cứu, chiếm tỷ lệ nhiều nhất là đau cột sống thắt lưng chiếm 39%. Các bệnh về thoái hóa (thoái hóa cột sống, thoái hóa khớp gối, thoái hóa nhiều khớp) lần lượt là 22,8%, 21,3%, 4,1%. Đau thần kinh tọa và thoát vị đĩa

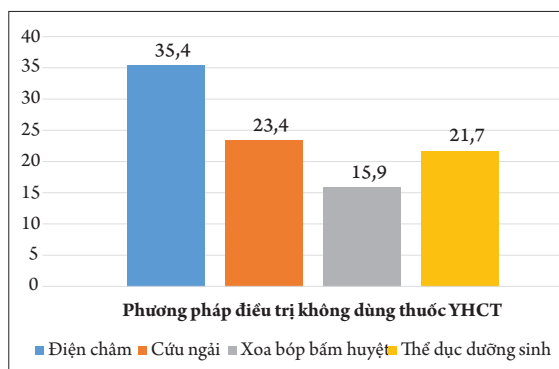
đệm lần lượt chiếm 9,3% và 7,6%. Thấp nhất là viêm cột sống dính khớp, bệnh Goutt và viêm màng hoạt dịch viêm gân chiếm 1,7%. Địa điểm điều trị chủ yếu trong nghiên cứu là bệnh viện, chiếm 87,2%.



Biểu đồ 1. Phương pháp điều trị bệnh cơ xương khớp lần gần nhất

Nhận xét: Biểu đồ 1 cho thấy phương pháp điều trị được lựa chọn nhiều nhất trong nghiên cứu là Kết hợp YHCT và YHHĐ (38,2%), tiếp theo là YHCT chiếm 36,1%, YHHĐ chiếm 22,3%.

Tỷ lệ sử dụng thuốc YHCT nhiều nhất là các chế phẩm mua sẵn chiếm 40,2%; tiếp theo là sử dụng thuốc thang, thuốc sắc và cồn bóp lần lượt là 22,4% và 20,5%; Cao dán và thuốc đắp chiếm tỷ lệ thấp nhất là 6,5% và 2,8%.



Biểu đồ 2. Phương pháp điều trị bệnh cơ xương khớp bằng các phương pháp không dùng thuốc YHCT

Nhận xét: Biểu đồ 2 cho thấy phương pháp không dùng thuốc được sử dụng nhiều nhất là điện châm chiếm 35,4%, tiếp theo là cứu ngải (23,4%), cuối cùng là thể dục dưỡng sinh và xoa bóp bấm huyệt (và các thủ pháp tương tự) lần lượt là 21,7% và 15,9%.

KẾT LUẬN

Bệnh nhân cơ xương khớp giới tính nữ gặp nhiều hơn nam. Trong đó nữ chiếm 61,5%, nam chiếm 38,5%. Tuổi trung bình của các bệnh nhân là $57,02 \pm 14,04$ tuổi. Phần lớn các bệnh nhân tập trung ở nhóm trên 50 tuổi (73,1%), trong đó lứa tuổi mắc bệnh nhiều nhất là từ 50 đến 59 tuổi chiếm 33,6%. Trình độ học vấn của đối tượng nghiên cứu tập trung nhiều nhất là tiểu học và trung học cơ sở chiếm 69,2%, trung học phổ thông cũng chiếm tỷ lệ khá cao (17%); còn một bộ phận người chưa đi học, chưa biết đọc biết viết là 5,5%.

Bệnh nhân trong nghiên cứu tập trung nhiều nhất ở Nông/lâm/ngư nghiệp (34,9%); tiếp theo

là bộ phận hưu trí chiếm 26,4%; lao động tự do và lao động thủ công lần lượt chiếm 10,7% và 9,4%; học sinh sinh viên chiếm tỷ lệ thấp nhất là 1,2%. Điều kiện kinh tế hộ gia đình của bệnh nhân trong nghiên cứu chủ yếu là không nghèo, thời gian mắc bệnh cơ xương khớp trong nghiên cứu tập trung nhiều nhất trong khoảng từ 1 đến 5 năm. Trong số 13 bệnh về cơ xương khớp trong nghiên cứu, chiếm tỷ lệ nhiều nhất là đau cột sống thắt lưng chiếm 39%. Địa điểm điều trị chủ yếu trong nghiên cứu là bệnh viện, chiếm 87,2%. Phương pháp điều trị được lựa chọn nhiều nhất trong nghiên cứu là Kết hợp YHCT và YHHĐ. Tỷ lệ sử dụng thuốc YHCT nhiều nhất là các chế phẩm mua sẵn chiếm 40,2%; tiếp theo là sử dụng thuốc thang, thuốc sắc và côn bóp lần lượt là 22,4% và 20,5%; cao dán và thuốc đắp chiếm tỷ lệ thấp nhất là 6,5% và 2,8%. Phương pháp không dùng thuốc được sử dụng nhiều nhất là điện châm chiếm 35,4%; tiếp theo là cứu ngải (23,4%); cuối cùng là thể dục dưỡng sinh và xoa bóp bấm huyệt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1. Bộ Y tế và Nhóm đối tác Y tế (2015)**, Báo cáo chung tổng quan ngành y tế năm 2014 - Tăng cường dự phòng và kiểm soát bệnh không lây nhiễm.
- 2. Nguyễn Thị Lê Hoa (2015)**, “Nghiên cứu thực trạng y học cổ truyền ở huyện Tương Dương tỉnh Nghệ An” *Luận văn Thạc sĩ, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam*.
- 3. Trung tâm y tế Thuận Thành**, báo cáo tổng kết công tác y tế 2018.
- 4. Nguyễn Thị Quỳnh Nga (2014)**, Tình hình bệnh tật và thực trạng khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền của huyện Như Xuân tỉnh Thanh Hóa năm 2014, *Luận văn thạc sĩ y học, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam*.
- 5. Nguyễn Thị Ánh (2019)**. *Khả năng đáp ứng nhu cầu khám chữa nhóm bệnh cơ xương khớp tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Hải Dương*, Luận văn thạc sĩ y học, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.
- 6. Jiang M. and et al. (2011)**, “The Role of Chinese Medicine in the Treatment of Chronic Diseases in China”, *Planta Med.*, 77, pp.873-881.
- 7. Karl Peltzer and et al. (2016)**, “The utilization of traditional, complementary and alternative medicine for non-communicable diseases and mental disorders in health care patients in Cambodia, Thailand and Vietnam”, *MC Complementary and Alternative Medicine*, pp. 16:92.